

# VŨ HOÀNG CHƯƠNG, NGÔI BẮC Đẩu CỦA THI CA VIỆT NAM

Nguyễn Mạnh Trinh



**Vũ Hoàng Chương**  
**1916-1976**

Có một bài thơ được truyền khẩu như là chứng tích của một thời thế đảo điên. Có một thi sĩ, cả đời chỉ muốn làm thơ ca tụng tình yêu nhưng lại có những bài thơ ghi lại được những thời điểm khốc liệt của lịch sử.

Tôi nghĩ tới bài thơ **Vịnh tranh gà lợn** của nhà thơ Vũ Hoàng Chương làm trong khoảng thời gian tranh tối tranh sáng của thời sự. Lúc ấy, ngày tết Bính Thìn, khi Cộng Sản vừa chiếm được cả đất nước và một chính sách trả thù phân biệt được áp đặt lên toàn dân tộc. Lúc ấy, viên chức, sĩ quan của chế độ VNCH bị tù đầy đến gần cả triệu người. Lúc ấy, văn nghệ sĩ bị truy bức, bắt bớ, sách vở bị tịch thu đốt bỏ. Lúc ấy, buổi hỗn quân hỗn quan, lúc thú vật đội lột người, tác yêu tác quái:

*Sáng chưa sáng hẳn, tối không đành*

*Gà lợn om sòm rồi bức tranh*

*Rừng vách có tai, thơ có họa*

*Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh*

*Mắt gà huỳnh đệ bao lần quáng*

*Lòng lợn âm dương một tức thành*

*Cục tác nữa chi đừng ủn ỉn*

*Nghe rờng ngâm váng khúc tân thanh*

Những thành ngữ, tục ngữ của dân gian dưới tay nghệ sĩ đã thành đặc địa. Chữ không còn là một nghĩa nữa mà thành nhiều nghĩa, và sự thâm trầm sâu lắng trong ngữ nghĩa làm bài thơ lột tả được một tâm sự chung mang của cả một thế cuộc tao loạn đầy bất trắc.

Bài thơ được truyền tụng trong thời buổi ấy và cũng là nguyên nhân để những người cầm quyền Cộng Sản bắt giam tác giả. Thi sĩ bị giam tại khám Chí Hòa, sau vì đau yếu nên được thả về nhà và mấy ngày hôm sau thì từ trần, đúng vào ngày 6 tháng 9 năm 1976.

Trong tù, ông viết bài thơ cuối cùng của đời mình, gửi cho người thân, như linh cảm thấy một chuyến đi đã kề sẵn. Thơ như tiếng khóc nén thâm của những dòng thơ, từ dòng cổ thi từ thuở Nguyễn Du xưa xa, của nỗi niềm “bất tri tam bách dư niên hậu, thiên hạ hà nhân khấp Tố Như” đến nỗi đau mất nước quặn thắt bây giờ:

*Thấm thoắt vào đây tháng đã tròn*

*Lông hồng gieo xuống nặng bằng non*

*Một manh chiếu lã hồn ngậy ngất*

*Ba chén cơm rau xác mỗi mòn*

*Ngày tới bữa ăn càng nhớ vợ*

*Đêm về giấc ngủ lại thương con*

*Bao nhiêu nước chảy qua cầu nữa*

*Chẳng để gì phai một tấm son*

Con chim trước khi chết tiếng hót bi thương. Người thi sĩ, trước khi lìa bỏ trần gian, lời kêu ai oán. Bài thơ thất ngôn bát cú gói ghém cả một tâm tình. Quốc phá, gia vong, thân trong ngục tù, nhưng, tất cả rồi sẽ trôi qua như nước chảy dưới cầu và không bao giờ phai nhạt tấm lòng son sắt với đời, với người, với dân tộc, với đất nước.

Nhà văn Võ Văn Ái viết về trường hợp nhà thơ bị Việt cộng bắt giam như sau:

“... Và ai ngờ rằng, một nhà thơ sẽ chết vì Thơ. Đúng ngay Phật Đản ngày 25 tháng 5 năm 1976, khi đất nước của Nàng Vàng chuyển sang Máu Đỏ. Giữa khuôn viên trường đại học Vạn Hạnh, lần đầu tiên có sự đưa tượng Phật xuống giữa sân làm lễ. Lần ấy, lần độc nhất ấy, giữa Sài Gòn im lặng, Vũ Hoàng Chương ốm nhom trong chiếc áo the tàng, cất tiếng ngâm bài thơ Lửa Từ Bi trước đám người chung tình dự lễ. Liên sau đó Vũ Hoàng Chương bị bắt, viện đại học Vạn Hạnh bị chiếm đóng. Bài thơ bừng lửa này, Hoàng sáng tác giữa thời khốn đốn năm 1963 mà chỉ có giọng ngâm vi diệu của Hoàng Oanh mới lột tả hết. Nay từ miệng nhà thơ, bài thơ ngân lên giữa một thời cùng cực khốn đốn mới...”

Bài thơ *Lửa Từ Bi* là lời của lương tâm nhân loại. Ngôn ngữ, không phải là lời kêu gọi sứt máu, đòi hỏi hy sinh. Mà, chính là cái Dũng của kẻ sĩ, của người hiểu được sự cao cả của quên mình hy sinh. Lửa, không phải là ngọn lửa thiêu đốt, của chiến tranh chết chóc. Mà, ngọn lửa ấy, là ánh sáng để soi rọi hồn người vượt thoát đêm tối. Lửa, kêu gọi yêu thương.

*Lửa! Lửa cháy ngút Tòa Sen*

*Tám chín phương nhục thể trần tâm*

*Hiện thành Thơ, quý cả xuống*

*Hai vầng sáng nung nung*

*Đông Tây nhòa lệ ngọc.*

*Chấp tay đón một Mặt trời Mới Mọc*

*Aùnh Đạo Vàng phôi phôi đang bừng lên, dâng lên..*

*Thương chúng sinh trầm luân bể khổ*

*Người rẽ phăng đêm tối đất dày*

*Bước ra, ngời nhập định, hướng về tây*

*Gọi hết LỬA vào xương da bỏ ngõ*

*Phật Pháp chững rời tay*

*Sáu ngã luân hồi đâu đó*

*Mang mang cùng nín thở*

*Tiếng nức lên ngừng nhịp Bánh Xe Quay*

*Không khí vện mình theo*

*Khóc òa lên nổi gió*

*NGƯỜI siêu thăng*

*Giông bão lắng từ đây*

*Bóng NGƯỜI vượt chín tầng mây*

*Nhân gian mát rượi bóng cây Bồ Đề*

*Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc*

*Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi*

*Chỗ NGƯỜI ngồi một thiên thu tuyệt tác*

*Trong vô hình sáng chói nét Từ Bi*

*Rồi đây, rồi mai sau, còn chi?*

*Ngọc đá cũng thành tro lụa tre dần mục nát*

*Với thời gian lê vết máu qua đi*

*Còn mãi chứ! Còn Trái Tim Bồ Tát*

*Gội hào quang xuống tận ngục A tỳ...”*

Nhà văn Mai Thảo trong bài viết tưởng niệm thi sĩ đã thổ lộ :

“Rồi Vũ Hoàng Chương ra thoát được cái ngục mình. Cuộc phục sinh thành, đã trao cho thi sĩ một chìa khóa ngọc mở vào những ngày tháng cuối cùng, những ngày tháng sung sướng. Và Vũ Hoàng Chương đã mang con người sung sướng ấy của mình đi qua đời, đi qua Cộng sản, đi vào vĩnh viễn. Thời gian ấy sống gần ông (mấy tuần chót ở Góc Mây, mười tháng ở Góc Bút trước lúc bị bắt giữ) cho tới buổi trưa ngày 30 tháng 11 năm 1976, từ chỗ ẩn một vùng ngoại ô Chợ Lớn âm thầm trở lại phượng Cây Bàng lần cuối để thắp một nén hương vĩnh biệt trước di ảnh bạn, cho tới những buổi trưa đảo nằm một mình trong một đáy rừng Mã Lai Á khuất tịch, tôi thường suy nghĩ, tìm kiếm lý giải về một cuộc vận động từ bi thảm đưa tới thăng hoa sung sướng phóng thoát của một đời người. Vũ Hoàng Chương đã có được thăng hoa ấy. Qua thái độ ông buổi sáng bị bắt. Trong bốn tháng nằm trong hầm tối. Trong năm ngày trở về Góc Bút...”

Mấy chục năm trước, thi sĩ đã làm người tiên tri. Đã thấy được những thương hải biến thiên. Đã mô tả những cuộc đời của Việt Nam trôi dạt sau cơn hồng thủy tháng tư năm 1975. Trong tập thơ in thời tiền chiến, có bài thơ *Phương Xa* có những câu mà mấy chục năm sau thấy rõ rệt là tình cảnh của những người Việt liêu chết vượt Biển Đông đi tìm tự do:

*Nhỏ neo rồi thuyền ơi xin mặc sóng*

*xô về Đông hay gặt tới phương Đoài*

*xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng  
Lòng cô đơn cay đắng hạp dần với  
Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đũa  
Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh  
Bể vô tận xá gì phương hướng nữa  
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đênh  
... Lũ chúng ta đầu thai làm thế kỷ  
Một đôi người u uất nổi chơ vơ  
Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị  
Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ...*

Tâm linh nào đã khiến thi sĩ viết lên những vần thơ như thế. Có phải, cái phút linh cầu ấy chỉ đến với những người mà tâm hồn sống lạc lõng như lạc vào một thế giới khác, của cảnh giới hoang sơ, của những nỗi bí nhiệm khó ai hiểu biết được. Cái thảm trạng mà cả triệu người vùi mình trên biển đã được mô tả một cách khá chính xác cả về tâm tư lẫn hiện trạng, có lẽ cũng khá kỳ lạ! Cả triệu thuyền nhân sống lưu lạc khắp mặt địa cầu chắc cũng chia sẻ chung với nhà thơ nỗi niềm ấy.

Thi ca của Vũ Hoàng Chương có nhiều thời kỳ mà lúc nào ông cũng có vị trí của một vì sao Bắc Đẩu, một văn tinh sáng rực cõi trời. Từ thời tiền chiến, với *Say*, với *Mây*, đã chễm chệ trên chiếu văn chương, đã được Hoài Thanh & Hoài Chân ghi tên trong *Thi nhân Việt nam*. Đến hai mươi năm văn học miền Nam, cũng *Hoa Đăng*, *Rừng Phong*, *Chúng Ta Mất Hết Chỉ Còn Nhau...* là những châu ngọc của một thời viết về những tâm sự của muôn đời. Và, đến khi chết, những bài thơ tuyệt mệnh cũng là những áng gương thi ca vằng vặc.

Trong Thi Nhân Việt Nam, có những dòng về Vũ Hoàng Chương, những dòng chữ cảm nhận khá chính xác về vóc dáng thi sĩ lừng lẫy một thời:

“Ý giả Vũ Hoàng Chương định nổi cái nghiệp những thi hào xưa của Đông Á: cái nghiệp say, người say đủ thứ: say rượu, say đàn, say ca, say tình đong đưa. Người lại còn “hơn” cổ nhân xưa những thứ say mới nhập cảng: say thuốc phiện, say nhẩy đầm. Bấy nhiêu say sưa đều nuôi bằng một say sưa to hơn mọi say sưa khác: say thơ. Vũ Hoàng Chương có cái dụng ý muốn say để làm thơ. Cái dụng ý ấy không khỏi có hại. Nhưng một lần kia, bước chân vào tiệm nhẩy, người bỏ quên dụng ý làm thơ ngoài cửa, và lần ấy người đã làm một bài thơ tuyệt hay.

Tôi yêu những vần thơ chénh choáng, lão đảo mà nhịp nhàng theo điệu kèn khiêu vũ:

*... Âm ba gờn gợn nhỏ*

*Ánh sáng phai phai dần*

*Bốn tường gương diên đũo bóng giai nhân*

*Lui đôi vai, tiển đôi chân*

*Riết đôi tay, ngủ đôi chân*

*Sàn gổ tơn chập chờn như biển gió...*

Quả là những vần thơ say.

Cái dụng ý làm thơ Vũ Hoàng Chương cũng còn bỏ quên ít lần nữa.

Kể, cái say sưa của Vũ Hoàng Chương là một thứ say sưa có chừng mực, say sưa mà không hẳn là trụy lạc, mặc dù từ say sưa đến trụy lạc đường chẳng dài chi, nhưng trụy lạc hay say sưa đều mang theo một niềm ngao ngán. Niềm ngao ngán ấy ta vốn đã gặp trong thơ xưa. Duy ở đây nó có cái vị chua chát, hẳn học và bi đát riêng...”

Sau đó mấy chục năm, khi đã sang sống lưu lạc ở Hoa Kỳ, nhà văn Mai Thảo trong “Chân dung mười lăm nhà văn nhà thơ Việt Nam” đã viết:

“... Một đêm tôi ở lại với ông thật khuya, tới sát giờ giới nghiêm Cộng sản. Xã hội thê lương nằm phục bốn chung quanh tường Gác Bút. Ông đưa tôi xem một lá thư Trần Dần. Bị trừng phạt nặng nề, bị treo bút vĩnh viễn, nhà thơ Trần Dần, tài thơ trác tuyệt nhất của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, không được vào Nam, đã gửi cho ông một lá thư đầy những lời lẽ kính trọng như ông vẫn nguyên vẹn là thi bá của cả một thế hệ thi sĩ đã hai miền chia cách suốt 30 năm chiến tranh. Lá thư, tôi chỉ còn nhớ được câu này: “Thơ anh, thơ Đinh Hùng sống muôn đời với thi ca Việt Nam”. Đêm đó, cầm lá thư với nỗi kính phục của Trần Dần đối với ngôi sao Bắc đẩu miền Nam trên tay, tôi nhìn bạn ngôi thư thái êm đềm trước mặt, đã chia sẻ với thi ca một niềm sung sướng thống khoái vô tả, kính phục của Trần Dần chắc còn lớn lao hơn gấp bội. Nếu nhà thơ miền Bắc còn nhìn thấy được cõi thơ cuối đời và cái hiện tượng thăng hoa của tâm thức phóng thoát, ở thi sĩ...”

Nhà văn Võ Phiến, với lối viết nhận định văn học khá đặc biệt cũng có những diễn tả biểu hiện chân dung thi sĩ: “Năm 1982 trên một số báo Đất Mới ở Seattle (tiểu bang Washington) tưởng niệm Vũ Hoàng Chương, bà Quỳnh Hương có nhắc lại câu chuyện hồi năm 1960 tại trung tâm Bút Việt ở Sài Gòn, khi giới thiệu diễn giả là Vũ Hoàng Chương nói về thi ca, Nhất Linh đã gọi Vũ thi sĩ là “ông vua

thơ”. Thi sĩ tiền chiến đã bao người xuất hiện và thành danh trên báo Ngày Nay hay từ nhà xuất bản Đời Nay của Nhất Linh: Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận... Giữa bấy nhiêu tài danh, được Nhất Linh chọn phong vương! Vũ Hoàng Chương tiền chiến có cái thành tích đáng sợ chứ...”

Ở một đoạn khác, Võ Phiến nhận định về những bài thơ hào hùng nhập cuộc của *Hoa Đăng, Rừng Phong*, của những ngày bắt đầu của chế độ quốc gia ở miền Nam, ở những kêu gọi lòng của lịch sử:

“Nói một bên dẫn thân một bên phiêu du, như vậy không có nghĩa cho rằng Vũ Hoàng Chương thoát ra ngoài thế sự, lòng không bận đến cuộc hưng vong của quốc gia.

Ông không nuôi trong lòng cái oán thù sùng sục của kẻ nghèo đói với người giàu, ông không đứng vào hàng ngũ giai cấp này chống giai cấp nọ. Ông không ca ngợi ánh sáng của chủ nghĩa này, không tố cáo chủ nghĩa kia... Nhưng ông đâu có bao giờ thờ ơ đối với chuyện đất nước... Giặc tây tràn đến, ông khẳng khái đòi trả ta sông núi. Nhà cầm quyền cộng sản thiết lập chế độ độc tài khát máu, ông phừng phừng kêu gọi Bắc Tiến. Một tôn giáo gặp khó khăn, ông ca ngợi lửa từ bi, đốt “thơ cháy lên theo với kinh”. Cuối cùng khi miền Nam mất vào tay cộng sản thì ông đi tù, chịu chết, không thay đổi thái độ.

Vũ Hoàng Chương cũng như Nhất Linh, những người quan niệm làm thơ cốt cho đẹp, viết truyện trước hết cốt cho được chuyện hay, những người chơi lan ở suối Đa-Mê, hút thuốc ở gác Mây... những người ấy không ngại cái chết vì nước non. Từ một quan niệm nghệ thuật mà suy diễn đến nhân cách, đến thái độ ở đời, thái độ chính trị của người ta, e là chuyện phiêu lưu...”

Đã có những câu thơ:

*Mục cho những kẻ mài gươm sắc*

*Ta chỉ mài riêng ngọn bút này*

Hay:

*Giờ điểm rồi đây, hỡi Tuổi xanh*

*Có nghe nét chữ réo tung hoành*

*Có nghe giọng mực sôi trên giấy*

*Nhịp bốn ngàn thu Sử Đầu Tranh...*

Nhưng nổi bật nhất vẫn là những bài thơ tình. Tình yêu đã lên ngôi, với đam mê như ma túy cho đời. Những cõi tình thiết tha, của thời gian không tuổi tác, của

không gian vời vợi qua những biến thiên của cuộc nhân sinh. Thơ là những ám ảnh đeo đuổi suốt quãng đời, qua những mốc thời gian đánh dấu bằng kỷ niệm.

Tập thơ *Ta đợi em từ ba mươi năm* mà các môn sinh của ông đã in lại ở hải ngoại có lẽ là một tập thơ mà ông cho rằng có nhiều bài đặc ý nhất của mình. Trong bài mở đầu thi tập, tác giả viết:

“Đã từ lâu tôi có ước nguyện gom góp lại những bài thơ “tình yêu” viết trong tuổi hoa, để in thành tập riêng, điều đó sẽ giúp tôi sống trọn vẹn cùng muôn ngàn ảo ảnh xa xưa.

Đành rằng tình yêu không chịu ràng buộc nào, giới hạn nào- vâng, Tình Yêu vốn không tuổi! nhưng tôi nhiều khi cảm thấy mình đặc biệt ưa thích những bài thơ “tình yêu” viết từ trước tuổi Bốn Mươi; nghĩa là trước buổi Qua Phân đầu đón, trước cái giờ phút tôi già biệt hồ Gươm, cửa Bắc để gắng gượng làm thân “con chim đại bàng vỗ cánh đời sang Nam minh”...”

Bài thơ “Chờ đợi hoài công” như một lời tụng ca của trái tim cho một tình yêu muôn tuổi. Ba mươi năm, quá dài cho một đời người, nhưng lại thật ngắn, với cuộc thi ca chép bằng ngôn ngữ bất diệt:

*Ta đợi em từ ba mươi năm*

*Uống hoa phong nhụy hoài đêm rằm*

*Heo may chớm đã lên mùa gió*

*Ngăn ngắt chiêm bao lạnh chỗ nằm*

*Cúc tả tơi vàng mộng xác xơ*

*Hiên sương ngõ lá vẫn trông chờ*

*Đêm dài quanh quẽ đôi song lớn*

*Nguyệt động vòng tay à giấc mơ*

*Ngai trống vàng son lọt sắc rồi*

*Lòng ta Hoàng Hậu chẳng về ngôi*

*Hồ ly không hiện người không đến*

*Chỉ ánh trăng vào khuôn cửa thối...*

Viết về Vũ Hoàng Chương, chỉ một bài thôi không đủ. Bởi, trong cái thế giới vừa đơn sơ vừa phức tạp, vừa khinh bạc vừa yêu đời, vừa sống của một đời sống nào chỉ có trong cổ tích nhưng lại dần thân vào cuộc. Cũng như thơ có lúc gọt



giữa kiêu sa nhưng lại có lúc bình dị, khi thì là thơ tự do phóng túng nhưng lúc là những bài Đường thi vẫn điệu nghiêm túc ý nghĩa thâm trầm. Dù là thơ “nhị thập bát tú” cô đọng hay *Truyện Kiều* châu ngọc, hoặc thơ lục bát, bảy chữ, tám chữ thời Thơ mới ngày nào, tất cả đều là những tìm kiếm của một đời thi thánh. Và ở ngôi Bắc Đẩu của thi ca Việt nam, suốt một chặng đường mấy chục năm, để đến lúc mất, thơ vẫn nở hoa trên mộ như bài thơ nào truyền tụng:

*Ta ngủm trông vào cái chính ta*

*Hồn xanh trong nếp áo thu già*

*Tay kia từng níu trời cao mãi*

*Nay chông ô chờ đất nở hoa*

Vâng thơ đã nở hoa trên mộ phần thi sĩ, như người đời đã thấy một sự lạ sau ba tháng chôn cất ở nghĩa trang. Nhưng, ở một liên tưởng nào, thơ nở hoa muôn đời trên thi ca không tuổi của cõi người...

**Nguyễn Mạnh Trinh**

**Nguồn:** <http://thoibao.com/vu-hoang-chuong-ngoi-bac-dau-cua-thi-ca-viet-nam/>

**Gửi Lên: Lê-Thụy-Chi**

**Ngày 15/12/2016**

**[www.vietnamvanhien.net](http://www.vietnamvanhien.net)**